

Số: 6894/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2015

| | |
|------------------------------|--|
| VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH | |
| Số: 3410 | |
| ĐẾN Ngày: 28/9/15 | |
| Chuyển: K.T.V | |

BÁO CÁO

**Tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ
các hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2010 - 2015
(cập nhật đến ngày 30/6/2015)**

a. Chính Đạo gửi

Kính gửi: Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng

Ngày 02 tháng 3 năm 2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 312/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê (viết gọn là Đề án 312) với mục tiêu đổi mới và áp dụng đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê, hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia thống nhất, thông suốt và hiệu quả phù hợp với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế nhằm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin thống kê đáp ứng nhu cầu phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước; công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các Bộ, ngành, địa phương và của các tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở báo cáo tổng kết Đề án 312 của Bộ, ngành và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án 312 giai đoạn 2010 - 2015 (cập nhật đến ngày 30/6/2015) với các nội dung sau:

I. TỔNG QUAN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 312

Bám sát 7 nội dung chính của Đề án là: (i) Đổi mới, bổ sung, hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; (ii) Xây dựng và ban hành đầy đủ Hệ thống chỉ tiêu thống kê các Bộ, ngành; (iii) Xây dựng và ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã; (iv) Xây dựng hệ thống khái niệm, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê; (v) Hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin đầu vào của các hệ thống chỉ tiêu thống kê; (vi) Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ thống kê khác có liên quan như các bảng phân loại thống kê, công tác phân tích, dự báo, cơ sở dữ liệu thống kê...; (vii) Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và hướng dẫn trực tiếp cho các đơn vị tham gia Đề án.

Trên cơ sở Kế hoạch và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó đã cụ thể hóa 7 giải pháp chủ yếu của Đề án, gồm có: (i) Đánh giá hiện trạng các Hệ thống chỉ tiêu thống kê; (ii) Củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức thống kê; (iii) Đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực; (iv) Hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê; (v) Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; (vi) Tăng cường hợp tác quốc tế và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài; (vii) Kinh phí xây dựng, thực hiện. Tình hình thực hiện Đề án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành và địa phương như sau:

1. Thực hiện Đề án tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 312/QĐ-TTg, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tổ chức hội nghị triển khai Đề án 312 đối với Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ban hành Công văn số 3307/BKHĐT-TCTK ngày 20/5/2010 về Kế hoạch triển khai Đề án giai đoạn 2010 - 2015 đối với các Bộ, ngành và địa phương.

Thực hiện Đề án 312, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã triển khai thực hiện các công việc sau:

a) Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động thống kê

- Luật Thống kê (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua và trình Quốc hội khóa XIII cho ý kiến và dự kiến thông qua tại kỳ họp tháng 10/2015;

- Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011.

b) Hoàn thiện luồng thông tin, các hình thức thu thập thông tin đầu vào của các hệ thống chỉ tiêu thống kê và nghiệp vụ thống kê

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đã được ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012;

- Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014;

- Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010.

c) Hoàn thiện hệ thống tổ chức thống kê

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 và Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg;

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê Bộ, ngành đã được Chính phủ ban hành theo Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/01/2010.

d) Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê

- Xây dựng quy chế cung cấp và trao đổi thông tin thống kê với Bộ Công thương, Ủy Ban dân tộc, Ban Kinh tế Trung ương;

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê

- Xây dựng chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Ban hành và ứng dụng mô hình thu thập thông tin 07 bước vào hoạt động thống kê.

e) Tăng cường công tác quản lý, đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực làm công tác thống kê, trong đó tập trung đào tạo nhân lực trong lĩnh vực phân tích dự báo

- Xây dựng, thực hiện Đề án vị trí việc làm;

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành Thống kê (năm 2014 mở 58 lớp đào tạo với 2906 học viên; năm 2015 mở 65 lớp đào tạo với 3530 học viên tham dự).

g) Tăng cường cơ sở vật chất, tài chính trong lĩnh vực thống kê

- Năm 2010 Tổng cục Thống kê kiến nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí Đề án 312. Ngày 31/12/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 223/2010/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê để các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuận lợi trong tổ chức thực hiện Đề án.

- Xây dựng Kế hoạch số 39/KH-TCTK ngày 28/3/2012 về việc triển khai công tác lập dự toán kinh phí các nội dung của Đề án 312.

- Từ năm 2010 đến năm 2012, tổ chức các cuộc hội thảo có nội dung liên quan đến kinh phí của Đề án 312, như: Hướng dẫn công tác lập dự toán, quyết toán và đảm bảo kinh phí cho các nội dung trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện Đề án 312.

- Cùng các đơn vị có liên quan, triển khai xây dựng tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề án 312 giai đoạn 2011-2015 cho hệ thống Thống kê tập trung. Tổng dự toán Đề án 312 gửi Bộ Tài chính tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng số tiền là: 5.103.000 triệu đồng.

- Ngày 13/8/2013 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1397/QĐ-TTg về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê, trong đó: tiểu đề án nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức thống kê là 16.187 triệu đồng (năm 2014: 8.000 triệu đồng; năm 2015: 8.187 triệu đồng); tiểu đề án trang thiết bị và phương tiện làm việc 80.078 triệu đồng (năm 2014: 40.000 triệu đồng; năm 2015: 40.078 triệu đồng).

- Ngày 26/9/2013, Văn phòng Chính phủ có công văn thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về kinh phí triển khai tiểu đề án xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đang hoàn thiện tiểu đề án “Xây dựng trụ sở làm việc hệ thống thống kê tập trung giai đoạn 2016-2020” theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Đề án 312 được Bộ Tài chính giao dự toán từ năm 2010 đến năm 2015 cho Tổng cục Thống kê là 112.976 triệu đồng và chia theo các năm như sau:

+ Năm 2010: 3.000 triệu đồng;

+ Năm 2012: 13.078 triệu đồng;

+ Năm 2013: Không được Bộ Tài chính bố trí dự toán;

+ Năm 2014: Đề án trang thiết bị làm việc: 20.000 triệu đồng; Đề án đào tạo, bồi dưỡng: 8.000 triệu đồng;

+ Năm 2015: Đề án trang thiết bị làm việc: 60.708 triệu đồng; Đề án đào tạo, bồi dưỡng: 8.190 triệu đồng.

Số kinh phí trên đã được phân bổ, sử dụng theo đúng dự toán và được thanh toán kịp thời, đúng chế độ Nhà nước.

2. Thực hiện Đề án tại Bộ, ngành

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nhận được báo cáo tổng kết thực hiện Đề án của 18 Bộ, ngành (*Chi tiết tại phụ lục 1*). Đa số các Bộ, ngành đã tích cực triển khai thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê trong toàn bộ ngành và đã chủ động tiến hành các công việc sau:

a) Đánh giá hiện trạng công tác thống kê tại Bộ, ngành và xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thuộc Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của từng Bộ, ngành.

b) Xây dựng và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành.

c) Tổ chức thực hiện các cuộc điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia và các cuộc điều tra riêng của Bộ, ngành.

d) Củng cố, hoàn thiện hệ thống thống kê Bộ, ngành.

đ) Tăng cường các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê.

e) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong công tác thống kê như: xây dựng hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo; sửa đổi Luật Thống kê; xây dựng quy chế cung cấp và trao đổi thông tin thống kê ...

3. Thực hiện Đề án tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo tổng kết thực hiện Đề án của 47/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Chi tiết tại phụ lục 2*), trong đó có 28 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp báo cáo và 19 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao cho Cục Thống kê cấp tỉnh thực hiện báo cáo.

Về cơ bản, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có báo cáo đã chủ động thực hiện những nội dung của Đề án 312 theo trách nhiệm được phân công, cụ thể như sau:

a) Đánh giá hiện trạng công tác thống kê trên địa bàn, gồm: Ủy ban nhân dân; sở/ban/ngành; huyện, thị và xã, phường/thị trấn.

b) Tham gia góp ý xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã; xây dựng hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê tỉnh, huyện, xã; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê và các văn bản pháp luật về thống kê.

c) Chỉ đạo tập huấn triển khai nội dung Đề án 312; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã và Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

d) Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê tại địa phương: một số địa phương đã xây dựng trang thông tin kinh tế - xã hội tỉnh giúp các sở, ngành, Chi cục Thống kê các huyện gửi báo cáo và tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương như: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, các tỉnh Lâm Đồng, Hải Phòng, Bình Thuận, Vĩnh Long,...

đ) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, triển khai hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã: tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

e) Công tác tuyên truyền, phổ biến thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê được thực hiện đa dạng dưới các hình thức: đăng tải trên mạng thông tin điện tử, báo viết, hệ thống loa truyền thanh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 312

Sau 5 năm triển khai thực hiện, Đề án đã thu được những kết quả sau đây:

1. Đổi mới, bổ sung, hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

1.1. Khái quát về Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

Thực hiện Đề án 312, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thay thế Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24/11/2005. Hệ thống chỉ tiêu thống kê mới gồm 21 lĩnh vực với 350 chỉ tiêu có đặc điểm cơ bản sau:

- Bổ sung nhiều chỉ tiêu thống kê phản ánh chất lượng, hiệu quả của sự phát triển, sức cạnh tranh của nền kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các chỉ tiêu bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phân công trách nhiệm triệt để cho Bộ, ngành trong việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của Bộ, ngành tránh trùng lặp, chồng chéo. Cụ thể:

| Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp | HTCTTKQG ban hành theo QĐ305 | | HTCTTKQG ban hành theo QĐ43 | |
|---|------------------------------|-----------|-----------------------------|-----------|
| | Số chỉ tiêu | Tỷ lệ (%) | Số chỉ tiêu | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số chỉ tiêu | 274 | 100 | 350 | 100 |
| Chia ra: | | | | |
| - Bộ, ngành | 152 | 55,48 | 206 | 58,85 |
| - Tổng cục Thống kê | 122 | 44,52 | 144 | 41,14 |

Để bảo đảm tính khả thi, Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới đã xây dựng rõ lộ trình thực hiện cho từng chỉ tiêu theo các nhóm:

- Nhóm A gồm 298 chỉ tiêu: là những chỉ tiêu áp dụng ngay trong năm 2011.
- Nhóm B gồm 34 chỉ tiêu: là những chỉ tiêu triển khai trong các năm 2012-2014.
- Nhóm AB (những chỉ tiêu vừa có phân tử theo nhóm A vừa có phân tử theo nhóm B) gồm 18 chỉ tiêu được công bố từ năm 2015.

1.2. Kết quả thu thập, tổng hợp, công bố chỉ tiêu thống kê quốc gia

Năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã chủ động làm việc với các Bộ, ngành để kiểm điểm quá trình thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các nội dung khác có liên quan.

Sau khi tổng hợp tình hình thu thập, tổng hợp, công bố các chỉ tiêu thống kê quốc gia do Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành thực hiện, kết quả như sau:

| Mức độ thực hiện | Số chỉ tiêu | Lộ trình thực hiện | | |
|--|--------------------|---------------------------|-----------|-----------|
| | | A | B | AB |
| Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ | 163 | 150 | 5 | 8 |
| Thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng mới công bố được một số phân tử | 48 | 41 | 2 | 5 |
| Thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng chưa công bố | 40 | 30 | 8 | 2 |
| Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | 60 | 50 | 7 | 3 |
| Chưa thu thập, tổng hợp | 39 | 27 | 12 | 0 |
| Tổng số | 350 | 298 | 34 | 18 |

- Những chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp chủ yếu là những chỉ tiêu có lộ trình A hoặc AB, còn chỉ tiêu chưa được thực hiện chủ yếu là chỉ tiêu có lộ trình B.

- Chỉ tiêu nhóm B là những chỉ tiêu khó cần có thời gian nghiên cứu và thử nghiệm trước khi công bố. Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành đang tích cực nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính để thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo đúng lộ trình.

2. Xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống chỉ tiêu thống kê của các Bộ, ngành

2.1. Xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành

Căn cứ vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, các Bộ, ngành đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành theo đúng yêu cầu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng của từng Bộ, ngành. Hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành phải đảm bảo tính đồng bộ cao với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác, đồng thời phải là một trong những nguồn thông tin đầu vào quan trọng của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tính đến ngày 30/6/2015 có 17 Bộ, ngành (bao gồm cả Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê (*Chi tiết tại phụ lục 3*).

Bên cạnh những Bộ, ngành đã ban hành hệ thống chỉ tiêu Bộ, ngành phù hợp với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, một số Bộ, ngành đang trong quá trình xây dựng hệ thống chỉ tiêu mới thay thế hệ thống chỉ tiêu cũ để phù hợp với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia như Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo thông tư thay thế Thông tư số 05/2009/TT-BKHCN về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu ngành khoa học và công nghệ.

2.2. Thực trạng thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành nhằm cung cấp thông tin cho tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã phân công Bộ, ngành chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp 206 chỉ tiêu thống kê, cụ thể như sau:

| Mức độ thực hiện | Số chỉ tiêu | Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp | |
|---|--------------------|--|------------------|
| | | Tổng cục Thống kê | Bộ, ngành |
| Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ ¹ | 163 | 81 | 82 |
| Thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng mới công bố được một số phân tử ² | 48 | 28 | 20 |
| Thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng chưa công bố ³ | 40 | 17 | 23 |

¹ : Mức độ này chỉ ra chỉ tiêu đã được thu thập và công bố đầy đủ theo từng phân tử, đảm bảo đúng kỳ công bố và lộ trình thực hiện.

² : Mức độ này chỉ ra chỉ tiêu đã được các cơ quan tiến hành thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng mới chỉ công bố được một số phân tử theo quy định.

| Mức độ thực hiện | Số chỉ tiêu | Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp | |
|---|-------------|---|-----------|
| | | Tổng cục Thống kê | Bộ, ngành |
| Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ ⁴ | 60 | 9 | 51 |
| Chưa thu thập, tổng hợp ⁵ | 39 | 9 | 30 |
| Tổng số | 350 | 144 | 206 |

- Sau 5 năm triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành đã thực hiện được 311/350 chỉ tiêu, trong đó số chỉ tiêu đã được công bố hoàn thiện theo từng phân tổ là 163 chỉ tiêu đạt 47%.

- Có 39/350 chỉ tiêu chưa được thực hiện chiếm 11% tổng số chỉ tiêu. Những chỉ tiêu chưa được thực hiện chủ yếu là chỉ tiêu nhóm B và do Bộ, ngành chịu trách nhiệm thực hiện (30/206 chỉ tiêu).

- Việc tiến hành thu thập, tổng hợp số liệu các chỉ tiêu của Bộ, ngành theo kỳ công bố một cách đều đặn, chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu quản lý, điều hành của Bộ, ngành. Kênh thu thập thông tin từ Bộ, ngành báo cáo sang Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) dần đi vào nề nếp.

(Kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công Bộ, ngành thực hiện theo phụ lục 4).

3. Xây dựng và ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã

3.1. Tổng quan về Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương xây dựng và ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và hệ thống chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành. Ngày 10/01/2011, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã, trong đó:

³ : Mức độ này chỉ ra chỉ tiêu đã được các cơ quan chức năng thu thập, tổng hợp nhưng số liệu chưa đủ độ tin cậy nên chưa công bố.

⁴ : Mức độ này chỉ ra chỉ tiêu đã tiến hành thu thập, tổng hợp nhưng mới thu thập, tổng hợp được một số phân tổ, các phân tổ còn lại đang trong quá trình thực hiện.

⁵: Mức độ này chỉ ra chỉ tiêu chưa được triển khai thực hiện.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh gồm 19 nhóm với 242 chỉ tiêu: Cục Thống kê cấp tỉnh chịu trách nhiệm thu thập 100 chỉ tiêu, sở, ngành chịu trách nhiệm thu thập 142 chỉ tiêu.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện gồm 3 nhóm với 80 chỉ tiêu: Chi cục Thống kê cấp huyện chịu trách nhiệm thu thập 27 chỉ tiêu; phòng, ban chịu trách nhiệm thu thập 53 chỉ tiêu.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã gồm 27 chỉ tiêu thuộc 03 lĩnh vực: Đất đai và dân số; kinh tế; xã hội, môi trường.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã là một trong những nguồn thông tin đầu vào quan trọng của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành; đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp ở địa phương; đồng thời phục vụ nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác.

3.2. Kết quả thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nhận được báo cáo của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình thực hiện Đề án 312 và kết quả thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

Qua tổng hợp báo cáo của địa phương cho thấy việc thu thập, tổng hợp số liệu thống kê trên địa bàn tỉnh, thành phố có một số kết quả sau:

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh

| Tình hình thực hiện | Số tỉnh, thành phố |
|---|---------------------------|
| - Thực hiện trên 90% số chỉ tiêu | 21 |
| - Thực hiện từ 70% đến 90% số chỉ tiêu | 26 |
| - Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số chỉ tiêu | 13 |
| - Thực hiện dưới 50% số chỉ tiêu ⁶ | 3 |

+ Những chỉ tiêu cấp tỉnh chưa được thu thập tổng hợp chủ yếu là chỉ tiêu nhóm B, do sở, ngành thực hiện. Một số chỉ tiêu đã được thu thập nhưng không đảm bảo theo đúng phân tổ, độ chính xác chưa cao.

+ Một số tỉnh thu thập dưới 50% số chỉ tiêu do tại địa phương các sở, ngành chưa chú trọng đến việc thu thập chỉ tiêu thống kê.

⁶ Các tỉnh, thành phố thực hiện dưới 50% số chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh: An Giang, Tiền Giang, Kon Tum.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện

- Có 45/63 Cục Thống kê đã báo cáo chi tiết tình hình thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cụ thể như sau:

| Tình hình thực hiện | Số tỉnh, thành phố |
|---|---------------------------|
| - Thực hiện trên 90% số chỉ tiêu | 24 |
| - Thực hiện từ 70% đến 90% số chỉ tiêu | 16 |
| - Thực hiện từ 50% đến dưới 70% số chỉ tiêu | 2 |
| - Thực hiện dưới 50% số chỉ tiêu | 3 |

+ Giống như tình hình thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, việc thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp huyện tại một số địa phương gặp khó khăn do ban, ngành không thu thập chỉ tiêu thống kê hoặc có thu thập nhưng không cung cấp cho Chi cục Thống kê. Để có số liệu báo cáo Trung ương, công chức Thống kê địa phương phải đến trực tiếp các ban, ngành để thu thập, tổng hợp số liệu.

+ Một số địa phương do đặc điểm tự nhiên không có chỉ tiêu liên quan đến rừng, biển, suối... nên không thực hiện.

- Tại một số địa phương, việc tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra quyết định phân công thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp huyện còn chậm, đồng thời Tổng cục Thống kê ban hành biểu mẫu hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp huyện muộn nên cuối năm 2014 một số địa phương mới triển khai thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp huyện, do đó kết quả thực hiện chưa cao.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã

Chỉ tiêu thống kê cấp xã triển khai muộn. Việc thu thập gặp nhiều khó khăn do cán bộ thống kê cấp xã còn thiếu và kiêm nhiệm. Trong số 63 báo cáo của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có: 23 địa phương báo cáo đã và có thể thực hiện được từ 20-27 chỉ tiêu thống kê cấp xã; 7 địa phương báo cáo thực hiện được dưới 20 chỉ tiêu, các địa phương còn lại không nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện chỉ tiêu thống kê cấp xã.

4. Chuẩn hóa khái niệm, nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê

Theo quy định của Đề án 312: “Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và cấp có thẩm quyền ban hành các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các Bộ, ngành phải tiến hành chuẩn hóa khái niệm, nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê theo đúng chuẩn mực thống kê và phù hợp với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế để thống nhất áp dụng, bảo đảm tính so sánh của số liệu thống kê theo thời gian và không gian”. Thực hiện quy định này, Bộ Kế hoạch và Đầu

tư đã ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 quy định về nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.

Đề bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các hệ thống chỉ tiêu thống kê trong quá trình dự thảo ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê, Bộ, ngành đã chuẩn hóa khái niệm, nội dung, phương pháp tính của các chỉ tiêu thống kê và được ban hành sau khi có sự thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

5. Hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin đầu vào của các hệ thống chỉ tiêu thống kê

Đổi mới các hệ thống chỉ tiêu thống kê phải tiến hành đồng bộ với việc cải tiến, hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin, kết hợp hài hòa và có hiệu quả báo cáo thống kê, điều tra thống kê với khai thác nguồn thông tin đa dạng và phong phú của các hồ sơ đăng ký hành chính. Nội dung này đạt được những kết quả sau:

5.1. Về chế độ báo cáo thống kê

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã:

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 quy định Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Ban hành Thông tư số 04/2011/TT-BKHĐT ngày 31/3/2011 quy định biểu mẫu và giải thích biểu mẫu của Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Ban hành Thông tư số 08/2012/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012 về Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chủ trì và phối hợp với Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 7/02/2014 về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành gồm 281 biểu mẫu áp dụng đối với 23 Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Tính đến ngày 30/6/2015 có 19 Bộ, ngành đã ban hành chế độ báo cáo thống kê, chiếm 82.61% (*Chi tiết phụ lục 5*).

Hiện nay, một số Bộ, ngành đang tiếp tục xây dựng, bổ sung hoặc thay thế chế độ báo cáo thống kê cơ sở cho phù hợp với chế độ báo cáo hiện hành, cụ thể: Bộ Tư pháp đang dự thảo thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê thi

hành án dân sự; Ủy ban dân tộc đang xây dựng chế độ báo cáo thống kê ngành dân tộc.

5.2. Về điều tra thống kê

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã:

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 803/QĐ-TTg ngày 28/6/2012 về việc phê duyệt Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 60 cuộc điều tra trong đó có 03 cuộc Tổng điều tra và 57 cuộc điều tra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì 35 cuộc điều tra và Bộ, ngành chủ trì 22 cuộc điều tra theo chu kỳ dài hạn và hàng năm).

- Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) ban hành kế hoạch điều tra trong toàn ngành gồm các cuộc điều tra năm, điều tra quý và điều tra tháng để phục vụ cho công tác thống kê.

Căn cứ vào Chương trình điều tra thống kê quốc gia và căn cứ vào nhu cầu thông tin phục vụ yêu cầu quản lý điều hành của mình, một số Bộ, ngành đã thực hiện hoặc xây dựng kế hoạch điều tra thống kê dài hạn và hàng năm gồm:

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Chương trình điều tra của ngành Ngân hàng.

- Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã triển khai kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện điều tra khách du lịch nội địa; điều tra khách du lịch quốc tế năm 2014.

- Bộ Công Thương thực hiện được 01 trong tổng số 02 cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Bộ Xây dựng đã xây dựng được danh mục các cuộc điều tra thống kê quốc gia do Bộ thực hiện.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện các cuộc điều tra, gồm: Điều tra đổi mới công nghệ; điều tra về hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; điều tra nhận thức công chúng về khoa học và công nghệ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã xây dựng chương trình điều tra của Bộ.

- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã xây dựng chương trình điều tra thống kê của ngành.

Bên cạnh đó vẫn còn một số Bộ, ngành chưa xây dựng kế hoạch thực hiện các cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia phân công thực hiện như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế.

6. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ khác có liên quan

6.1. Tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Triển khai áp dụng các phương pháp luận mới của quốc tế vào thống kê Việt Nam như: Hệ thống tài khoản quốc gia năm 2008, Chỉ số sản xuất công nghiệp, Chỉ số giá tiêu dùng theo không gian, Thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ...

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành:

+ Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 về việc ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

+ Quyết định số 28/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 về việc ban hành Danh mục dịch vụ xuất nhập khẩu Việt Nam, áp dụng vào phiếu điều tra và báo cáo của ngành Thống kê;

+ Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia;

+ Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

+ Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 về việc ban hành Chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước;

+ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 29/4/2014 về việc tăng cường công tác thống kê Bộ, ngành.

- Ban hành theo thẩm quyền:

+ Thông tư số 19/2010/TT-BKH ngày 19/8/2010 quy định về nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

+ Quyết định số 1075/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2011 về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

+ Quyết định số 395/QĐ-BKHĐT ngày 30/03/2012 về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 02/2012/TT-BKHĐT ngày 04/4/2012 quy định năm 2010 làm năm gốc thay cho năm gốc 1994 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh;

+ Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22/10/2012 về việc quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia; bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh, huyện, xã;

+ Quyết định số 680/QĐ-BKHĐT ngày 28/5/2014 ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê.

6.2. Tại Bộ, ngành

Một số Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) ban hành một số văn bản liên quan đến tổ chức thực hiện Đề án, bao gồm:

- Thông tư số 223/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

- Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

- Thông tư số 53/2012/TT-BTC ngày 09/4/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí các cuộc Tổng điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

7. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê

Trong 5 năm qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tích cực tham gia các hoạt động thống kê quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trên thế giới. Các hoạt động như:

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê: Tham dự các cuộc họp cấp cao, các cuộc họp chuyên ngành về thống kê của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, họp và tham gia các hoạt động trong Khung hợp tác thống kê của ASEAN và ký kết các văn bản hợp tác hỗ trợ hoạt động thống kê với các tổ chức quốc tế: UNSD, FAO, UNFPA, UNDP, UNICIEF, WB,...

- Xây dựng chương trình hợp tác quốc tế về thống kê giai đoạn 2011-2015: duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác với các nước, các đối tác truyền thống (Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Hà Lan, Cộng hòa Liên bang Nga và các quốc gia thành viên ASEAN khác); đẩy mạnh hợp tác song phương với Thống kê các nước Hà Lan, I-ta-li-a, Nhật Bản, Mông cổ, Hàn Quốc,...; tăng cường hợp tác với Thống kê ASEAN trong khuôn khổ hội nhập thống kê ASEAN;....

- Tổ chức các đoàn ra quốc tế và đón đoàn quốc tế về thống kê vào Việt Nam và tổ chức các hội nghị quốc tế về thống kê tại Việt Nam.

- Thực hiện đầy đủ cam kết về thống kê như việc cung cấp đầy đủ số liệu thống kê theo yêu cầu của các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán.

- Hoàn thiện Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020; thực hiện các biên bản hợp tác ký kết với thống kê các nước như Mông Cổ, I-ta-li-a, Nhật Bản;...

- Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam như: hội nghị Thủ trưởng cơ quan thống kê các nước ASEAN (tháng 11/2011); hội nghị Đào tạo Thống kê trong các trường đại học, kinh nghiệm trong nước và định hướng tương lai (tháng 11/2013); hội nghị Hiệp hội quốc tế về Thống kê chính thức (tháng 10/2014);....

- Tăng cường hợp tác song phương, tăng cường hợp tác với các nhà tài trợ.

- Tuyên truyền về hoạt động thống kê ra nước ngoài.

Tóm lại: Trong 5 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và nhiều Bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung của Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê ban hành theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay đã tiến hành thu thập 311/350 chỉ tiêu thống kê quốc gia (đạt xấp xỉ 89%); có 17 Bộ, ngành đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và 19 Bộ, ngành ban hành chế độ báo cáo thống kê; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đang được các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện; các hình thức thu thập thông tin đầu vào của hệ thống chỉ tiêu thống kê đang từng bước hoàn thiện; công tác tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê luôn được quan tâm. Những kết quả trên giúp nâng cao chỉ số năng lực thống kê nước ta từ 65/100 điểm (năm 2010) lên 76,7/100 điểm (năm 2014), tăng 11,7 điểm.

III. HẠN CHẾ, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN, NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Đề án 312 tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), các Bộ, ngành và địa phương còn có những hạn chế, tồn tại nhất định, như sau:

- Một số nội dung trong Đề án 312 triển khai chậm như: chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành; việc thực hiện biểu mẫu báo cáo thu thập các chỉ tiêu thống kê cấp huyện, xã; đề án khắc phục chênh lệch số liệu giữa Trung ương với địa phương, giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành.

- Chưa thu thập, tổng hợp được một số chỉ tiêu nhóm B, nhóm AB trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Kênh thu thập thông tin từ Bộ, ngành sang Tổng cục Thống kê tuy đã

được cải thiện song còn nhiều hạn chế. Một số Bộ, ngành không gửi báo cáo chính thức sang Tổng cục Thống kê theo quy định. Việc chia sẻ thông tin thống kê giữa Bộ, ngành và Tổng cục Thống kê chưa kịp thời.

- Số lượng và chất lượng thông tin thống kê mặc dù đã được nâng lên nhưng vẫn còn một số lĩnh vực thiếu thông tin hoặc thông tin chưa bảo đảm độ tin cậy cũng như tính kịp thời để đáp ứng yêu cầu đánh giá, phân tích kinh tế quản lý nhà nước.

- Công tác phân tích và dự báo đã được tăng cường nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhiều cuộc điều tra thống kê vẫn dừng lại ở việc cung cấp số liệu thô và phân tích, đánh giá sơ bộ, chưa chú trọng các sản phẩm phân tích, dự báo chuyên sâu. Một số báo cáo phân tích thống kê còn nặng về mô tả số liệu mà thiếu đầu tư chiều sâu, hạn chế về nhận định, đánh giá, đề xuất giải pháp cụ thể đối với tình hình phát triển kinh tế xã hội.

- Một số Bộ, ngành chưa ban hành hoặc ban hành không đầy đủ hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành theo tinh thần của Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 và Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 7/02/2014.

- Một số Bộ, ngành chưa triển khai thực hiện các cuộc điều tra đã được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế).

- Tổ chức thống kê và công chức làm công tác thống kê của một số Bộ, ngành chưa được quan tâm theo tinh thần của Nghị định số 03/2010/NĐ-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Việc triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn chậm so với kế hoạch. Một số địa phương triển khai chưa đồng bộ, thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc dẫn đến tình trạng chấp hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở ở một số sở, ngành, một số doanh nghiệp không đầy đủ, báo cáo chậm so với quy định, chất lượng báo cáo chưa cao.

- Tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đánh giá hiện trạng công tác thống kê trên địa bàn (công tác thống kê sở, ban, ngành), thống kê xã, phường, thị trấn.

- Việc xây dựng và kiện toàn tổ chức thống kê sở, ban, ngành, thống kê xã, phường, thị trấn ở một số địa phương vẫn chưa được quan tâm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê trong những năm gần đây đã đạt được những kết quả nhất định song vẫn còn những hạn chế, bất cập về chất lượng của các phần mềm xử lý... Tại địa phương,

việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong công tác thống kê chủ yếu mới chỉ áp dụng tốt trong nội bộ ngành Thống kê tập trung (Cục Thống kê và Chi cục Thống kê), việc trao đổi thông tin thống kê giữa cơ quan thống kê tập trung với các sở, ngành, quận, huyện còn yếu.

- Cơ sở vật chất của Ngành chưa được tăng cường và hiện đại hóa như yêu cầu của Đề án đặt ra.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

- Nhận thức về công tác thống kê tại một số Bộ, ngành và địa phương còn chưa đúng, chưa ý thức được vai trò của công tác thống kê và thông tin thống kê trong việc xây dựng và điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Điều này gây không ít khó khăn cho việc điều phối của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong triển khai các nội dung của Đề án.

- Nội dung công việc của Đề án 312 rất lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều Bộ, ngành. Tuy nhiên sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị trong cơ quan Tổng cục Thống kê cũng như giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành và địa phương chưa thực sự đồng bộ, chặt chẽ và thống nhất.

- Chế tài xử phạt vi phạm hành chính cho lĩnh vực thống kê còn chưa đủ sức răn đe.

- Việc bố trí kinh phí thực hiện Đề án cho các Bộ, ngành chậm, ảnh hưởng đến tiến độ của các công việc khác trong Đề án.

- Lực lượng người làm công tác thống kê còn thiếu, chưa tương xứng với nhiệm vụ, yêu cầu thông tin thống kê và thường thay đổi nên thiếu tính kế thừa, tính cập nhật về số liệu theo thời gian. Nhiều công chức làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương vẫn theo hình thức kiêm nhiệm, không được đào tạo về thống kê.

- Một số chỉ tiêu thống kê của Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành còn chưa đồng bộ, còn có sự khác nhau về khái niệm, phạm vi nội dung, phương pháp tính. Bên cạnh đó một số Bộ, ngành chưa ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở dẫn đến khó khăn trong việc thu thập chỉ tiêu thống kê theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Nhiệm vụ trong giai đoạn 2016 - 2020

3.1. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

Để tiếp tục hoàn thành tốt các nội dung của Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê: Hoàn thiện Đề án Luật Thống kê (sửa đổi) trình Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 10;

xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (sửa đổi), Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Thống kê sau khi Luật được thông qua.

- Nghiên cứu phương pháp tính, nguồn thông tin của các chỉ tiêu chưa được thực hiện trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là đến năm 2015 tất cả 350 chỉ tiêu thống kê quốc gia được thu thập, tổng hợp và công bố. Đối với những chỉ tiêu thống kê không có tính khả thi Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép đưa ra khỏi danh mục 350 chỉ tiêu.

- Đẩy mạnh việc thu thập, tổng hợp chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã bảo đảm đúng phân tổ và thời gian quy định.

- Triển khai thực hiện Đề án khắc phục tình trạng chênh lệch số liệu giữa Trung ương với địa phương.

- Tiếp tục thực hiện và theo dõi đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Chú trọng công tác phân tích và dự báo thống kê.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng thông tin, số liệu thống kê.

- Nâng cao hoạt động tuyên truyền, phổ biến công tác thống kê.

- Đẩy mạnh cơ chế phối hợp chia sẻ với thống kê Bộ, ngành thông qua việc xây dựng các cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê; tăng cường chia sẻ quyền khai thác dữ liệu thông tin thống kê với Bộ, ngành và địa phương.

- Đưa ra chuẩn mực quản lý số liệu thống kê và tổ chức triển khai đánh giá.

- Cập nhật, bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê phù hợp với thực tế và hội nhập thống kê quốc tế.

3.2. Đối với thống kê Bộ, ngành

- Tiếp tục rà soát và thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án 312.

- Đối với những Bộ, ngành chưa ban hành hoặc ban hành chưa đầy đủ hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình biên soạn và ban hành phù hợp với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm của từng Bộ, ngành theo đúng phân tổ và lộ trình quy định.

- Hoàn thiện phương pháp và các hình thức thu thập thông tin đầu vào phục vụ cho việc thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia và chỉ tiêu thống kê của ngành Thống kê.

- Xây dựng quy chế phổ biến thông tin của Bộ, ngành theo Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 4/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng, kiện toàn tổ chức thống kê Bộ, ngành theo Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/01/2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức làm công tác thống kê.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê.

3.3. Đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Tiếp tục rà soát và thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án 312.

- Xây dựng và kiện toàn tổ chức thống kê của địa phương; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác thống kê.

- Đẩy mạnh phân công thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu thống kê theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tiếp tục theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo của các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nâng cao ý thức chấp hành Luật Thống kê của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê trên địa bàn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp lý quan trọng về thống kê.

4. Một số kiến nghị

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ "củng cố và tăng cường nhân lực công chức làm công tác thống kê sở, ngành địa phương"; xây dựng cơ chế chính sách mở để người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành, địa phương được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề.

2. Yêu cầu lãnh đạo các Bộ, ngành quan tâm chỉ đạo sát sao hơn nữa với công tác thống kê. Đặc biệt, các Bộ, ngành cần quan tâm xây dựng tổ chức thống kê và bổ sung lực lượng làm công tác thống kê theo đúng Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đẩy mạnh công tác phối hợp, phân công giữa Bộ, ngành với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

3. Chỉ đạo Bộ, ngành chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án 312, gửi Bộ Tài chính đồng thời đề nghị Bộ Tài chính sớm phê duyệt dự toán kinh phí của Bộ, ngành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án.

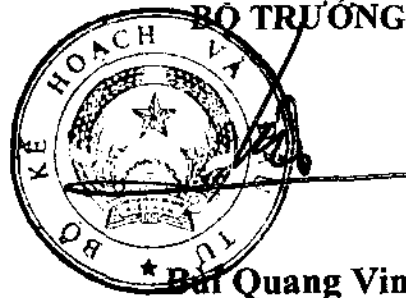
4. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiêu đề án “Xây dựng trụ sở làm việc hệ thống thống kê tập trung”.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2010-2015 (cập nhật đến ngày 30/6/2015), Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. *Đinh*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh (để báo cáo);
- Các Bộ, ngành;
- UBND tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCTK (6).

H 74



**Phụ lục 1: Danh sách Bộ, ngành gửi báo cáo tổng kết thực hiện
Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê**

| TT | Bộ, ngành |
|-----------|--|
| 1 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | Bộ Tài chính |
| 3 | Bộ Giao thông vận tải |
| 4 | Bộ Tài Nguyên và Môi trường |
| 5 | Bộ Quốc phòng |
| 6 | Bộ Công an |
| 7 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 8 | Bộ Công Thương |
| 9 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 10 | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 11 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| 12 | Bộ Xây dựng |
| 13 | Bộ Tư pháp |
| 14 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam |
| 15 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao |
| 16 | Tòa án Nhân dân tối cao |
| 17 | Văn phòng Quốc hội |
| 18 | Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam |

Phụ lục 2: Danh sách UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tổng kết thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê

| TT | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | TT | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |
|----|--|----|--|
| 1 | Hà Nội | 25 | Quảng Nam |
| 2 | Hà Giang | 26 | Phú Yên |
| 3 | Tuyên Quang | 27 | Ninh Thuận |
| 4 | Lào Cai | 28 | Bình Thuận |
| 5 | Điện Biên | 29 | Kon Tum |
| 6 | Sơn La | 30 | Gia Lai |
| 7 | Hòa Bình | 31 | Lâm Đồng |
| 8 | Thái Nguyên | 32 | Bình Phước |
| 9 | Lạng Sơn | 33 | Tây Ninh |
| 10 | Quảng Ninh | 34 | Đồng Nai |
| 11 | Bắc Giang | 35 | Hồ Chí Minh |
| 12 | Phú Thọ | 36 | Long An |
| 13 | Vĩnh Phúc | 37 | Tiền Giang |
| 14 | Bắc Ninh | 38 | Bến Tre |
| 15 | Hải Phòng | 39 | Trà Vinh |
| 16 | Hưng Yên | 40 | Vĩnh Long |
| 17 | Thái Bình | 41 | Đồng Tháp |
| 18 | Hà Nam | 42 | An Giang |
| 19 | Nam Định | 43 | Kiên Giang |
| 20 | Ninh Bình | 44 | Cần Thơ |
| 21 | Thanh Hóa | 45 | Sóc Trăng |
| 22 | Quảng Bình | 46 | Bạc Liêu |
| 23 | Thừa Thiên Huế | 47 | Cà Mau |
| 24 | Đà Nẵng | | |

Phụ lục 3: Danh sách Bộ, ngành đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|--|---|
| 1 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | <p>1) Hệ Thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>2) Nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã ban hành theo Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>3) Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia ban hành theo Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.</p> |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục và đào tạo ban hành theo Thông tư số 39/2011/TT-BGDĐT ngày 15/9/2011. |
| 3 | Bộ Công Thương | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công thương và Thương mại ban hành theo Thông tư số 19/2012/TT-BCT ngày 20/7/2012. |
| 4 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch ban hành theo Quyết định số 5139/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2012. |
| 5 | Bộ Tài chính | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài chính ban hành theo Quyết định số 2331/QĐ-BTC ngày 4/10/2011. |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Hệ thống chỉ tiêu ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26/11/2010. |
| 7 | Đài truyền hình Việt Nam | Hệ thống chỉ tiêu của Đài truyền hình Việt Nam ban hành theo Quyết định 2094/QĐ-THVN ngày 25/12/2013. |

| | | |
|----|------------------------------------|---|
| 8 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Hệ thống chỉ tiêu thống kê của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành theo Thông tư số 31/2013/TT-NHNH ngày 13/12/2013. |
| 9 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT ngày 9/10/2013. |
| 10 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động, Thương binh - Xã hội ban hành theo Thông tư số 30/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26/10/2011. |
| 11 | Bộ Y tế | 1) Hệ thống chỉ số thống kê cơ bản ngành Y tế ban hành theo Thông tư 06/2014/TT-BYT ngày 14/02/2014. 2) Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Y tế ban hành theo Thông tư số 28/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014. |
| 12 | Bộ Giao thông vận tải | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư 41/2014/TT-GTVT ngày 15/9/2014. |
| 13 | Bộ Công an | Hệ thống chỉ tiêu thống kê trong Công an nhân dân ban hành theo Thông tư số 10/2012/TT-BCA ngày 16/02/2012. |
| 14 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao | 1) Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ban hành theo Quyết định số 374/QĐ-VKSTC ngày 16/8/2013. 2) Hệ thống chỉ tiêu thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp ban hành theo Quyết định số 375/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 8 năm 2013. |

| | | |
|----|-------------------------|--|
| 15 | Bộ Xây dựng | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Xây dựng ban hành theo Thông tư số 05/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012. |
| 16 | Tòa án nhân dân tối cao | Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tòa án nhân dân |
| 17 | Ủy Ban dân tộc | Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc ban hành theo Thông tư số 06/2014/TT-UBDT ngày 10/12/2014. |

Phụ lục 4: Kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công Bộ, ngành thực hiện

| TT | Bộ, ngành | Số lượng chỉ tiêu | Tình hình thực hiện | | | | | Ghi chú |
|----|---|-------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|---------|
| | | | Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ | Thu thập, tổng hợp nhưng mới công bố được một số phân tử | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Chưa thu thập, tổng hợp | |
| 1 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 23 | 9 | | | 9 | 5 | |
| 2 | Bộ Nội vụ | 3 | 1 | | | 1 | 1 | |
| 3 | Bộ Y tế | 18 | 11 | | | 6 | 1 | |
| 4 | Bộ Tư pháp | 4 | 1 | 3 | | | | |
| 5 | Tòa án nhân dân tối cao | 2 | 2 | | | | | |
| 6 | Ban Tổ chức Trung ương Đảng | 1 | | | | 1 | | |
| 7 | Văn phòng Quốc hội | 1 | | | | 1 | | |
| 8 | Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội | 1 | | | | 1 | | |
| 9 | Bộ Tài chính | 21 | 13 | | | 8 | | |
| 10 | Bộ Xây dựng | 9 | 5 | | | 2 | 2 | |
| 11 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 10 | | | 10 | | | |

| TT | Bộ, ngành | Số lượng chỉ tiêu | Tình hình thực hiện | | | | | Ghi chú |
|----|--|-------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| | | | Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ | Thu thập, tổng hợp nhưng mới công bố được một số phân tử | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Chưa thu thập, tổng hợp | |
| 12 | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 8 | | | 8 | | | |
| 13 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | 5 | 5 | | | | | |
| 14 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 19 | 10 | | 4 | | 5 | |
| 15 | Bộ Công thương | 4 | 2 | 1 | 1 | | | |
| 16 | Bộ Giao thông vận tải | 9 | | | 4 | | | |
| 17 | Bộ Thông tin truyền thông | 9 | 2 | 4 | 1 | | 2 | |
| 18 | Bộ Khoa học và Công nghệ | 10 | | | | | 10 | |
| 19 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 26 | 13 | 10 | 3 | | | |
| 20 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 7 | 1 | | 2 | | 2 | |
| 21 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao | 2 | 2 | | | | | |
| 22 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 6 | 2 | 2 | 2 | | | |
| 23 | Bộ Công an | 8 | 3 | | 1 | | 4 | Bộ Công an và Bộ Quốc phòng |

| TT | Bộ, ngành | Số lượng chỉ tiêu | Tình hình thực hiện | | | | | Ghi chú |
|----|----------------|-------------------|--------------------------------------|--|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|
| | | | Thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ | Thu thập, tổng hợp toàn bộ nhưng mới công bố được một số phần tử | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Thu thập, tổng hợp chưa đầy đủ | Chưa thu thập, tổng hợp | |
| 24 | Bộ Quốc phòng | 2 | 1 | | 1 | | | đồng chủ trì 2 chỉ tiêu 1809 và 1910 |
| | Tổng số | 206 | 82 | 20 | 23 | 51 | 30 | |

Phụ lục 5: Danh sách Bộ, ngành đã ban hành chế độ báo cáo thống kê

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|--------------------------|---|
| 1 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | <p>1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ban hành theo Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo Thông tư số 08/TT-BKHĐT ngày 07/11/2012.</p> <p>3. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ ban hành theo Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014.</p> |
| 2 | Bộ Tư pháp | <p>Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013.</p> |
| 3 | Bộ Khoa học và Công nghệ | <p>1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ ban hành theo Thông tư số 05/2010/TT-BKHHCN ngày 02/7/2010.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về khoa học và công nghệ áp dụng đối với Sở Khoa học và Công nghệ ban hành theo Thông tư số 23/2011/TT-BKHHCN ngày 22/9/2011.</p> <p>3. Hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ ban hành theo Thông tư số 35/2011/TT-BKHHCN ngày 16/12/2011.</p> |
| 4 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | <p>1. Quy định chế độ thống kê, thông tin, báo cáo về tổ chức, hoạt động giáo dục ban hành theo Thông tư số 41/2011/TT-BGDĐT ngày 22/9/2011.</p> <p>2. Hệ thống biểu mẫu thống kê giáo dục và đào</p> |

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|---------------------------------|---|
| | | <p>1. tạo ban hành theo Quyết định số 5363/QĐ-BGDDT ngày 14/11/2013.</p> <p>3. Ban hành cuốn sổ tay thống kê giáo dục và đào tạo</p> |
| 5 | Bộ Công Thương | <p>1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 38/2011/TT-BCT ngày 14/0/2011.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo Thông tư số 20/2012/TT-BCT ngày 20/7/2012.</p> <p>3. Chế độ báo cáo cơ sở áp dụng đối với các Trường thuộc Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 21/2012/TT-BCT ngày 20/7/2012.</p> |
| 6 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | <p>1. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo Thông tư số 25/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động du lịch do ngành Du lịch quản lý, cấp phép ban hành theo Thông tư số 26/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014.</p> <p>3. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo Thông tư số 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014.</p> <p>4. Chế độ báo cáo đối với các đơn vị quản lý văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo Thông tư số 04/2015/TT-BVHTTDL ngày 19/6/2015.</p> |

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|--------------|---|
| 7 | Bộ Tài chính | <p>1. Bộ Tài chính ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo Thông tư số 35/2011/TT-BTC ngày 27/4/2011. - Chế độ báo cáo thống kê tài chính theo Quyết định số 2331/QĐ-BTC ngày 4/10/2011. - Hướng dẫn thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu theo Thông tư số 168/2011/TT-BTC ngày 21/11/2011. - Hệ thống chỉ tiêu và mẫu biểu báo cáo thống kê sử dụng tại các Sở Tài chính theo Thông tư số 15/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013. <p>2. Tổng cục Thuế ban hành:</p> <p>Chế độ Thống kê thuế nội địa theo Quyết định số 1492/QĐ-TCT ngày 03/10/2012.</p> <p>3. Tổng cục Hải quan đã ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế Điều chỉnh số liệu thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Quyết định số 2747/QĐ-TCHQ ngày 11/12/2012. - Quy chế công bố thông tin thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Quyết định số 3055/QĐ-TCHQ ngày 28/12/2012. <p>4. Ủy ban Chứng khoán nhà nước ban hành</p> <p>Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán nhà nước theo Quyết định số 58/QĐ-UBCK ngày 25/01/2014.</p> <p>5. Kho bạc nhà nước ban hành</p> <p>Hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê</p> |

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|--|---|
| | | hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước theo Quyết định số 821/QĐ-KBNN ngày 8/10/2014. |
| 8 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Chế độ báo cáo thống kê ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26/11/2010. |
| 9 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | <p>1. Báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành theo Thông tư số 31/2013/TT-NHNH ngày 13/12/2013.</p> <p>2. Quy định báo cáo thống kê và công khai, minh bạch thông tin về về hoạt động của của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ban hành theo Thông tư số 04/2014/TT-NHNH ngày 26/02/2014.</p> |
| 10 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ TNMT; Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Sở TNMT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo Thông tư số 02/2014/TT-BTNMT ngày 22/01/2014. |
| 11 | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội | <p>1. Thông tư số 05/2011/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 3 năm 2011 ban hành hệ thống biểu mẫu thống kê và hướng dẫn thu thập thông tin về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện theo Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp của ngành LĐTBXH ban hành theo Thông tư số 11/2015/TT-LĐTBXH ngày 11/3/2015.</p> |
| 12 | Bộ Y tế | 1. Quy định Hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp |

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---|
| | | <p>dụng đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và xã ban hành theo Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014.</p> <p>2. Quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê y tế áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân ban hành theo Thông tư số 29/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014.</p> <p>3. Quy định chế độ báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS ban hành theo Thông tư số 03/2015/TT-BYT ngày 16/3/2015.</p> |
| 13 | Bộ Giao thông vận tải | Quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 58/2014/TT-BGTVT ngày 27/10/2014. |
| 14 | Bộ Công an | Quy định về công tác thống kê trong Công an nhân dân ban hành theo Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 03/01/2012. |
| 15 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao | <p>1. Chế độ báo cáo thống kê người chưa thành niên phạm tội ban hành theo Quyết định số 203/QĐ-VKSTC ngày 17/5/2013.</p> <p>2. Chế độ báo cáo thống kê ngành Kiểm sát nhân dân ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-VKSTC ngày 04 tháng 10 năm 2013 về việc ban hành.</p> <p>3. Chế độ báo cáo thống kê hình sự liên ngành ban hành theo Quyết định số 673/QĐ-VKSTC ngày 20/10/2013.</p> |
| 16 | Bộ Xây dựng | Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng ban hành theo Thông tư số 06/2012/TT-BXD ngày 10/12/2012. |
| 17 | Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Chế độ thông tin báo cáo trong hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1456/QĐ-BHXH ngày 25/10/2012. |

| TT | Bộ, ngành | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|
| 18 | Tòa án nhân dân tối cao | Ban hành các biểu mẫu thống kê áp dụng trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân tối cao |
| 19 | Bộ Nội vụ | Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức ban hành theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012. |

Phụ lục 6: Danh sách Bộ, ngành đã và đang xây dựng quy chế chia sẻ và cung cấp thông tin thống kê với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

| TT | Cơ quan | Ngày ban hành |
|-----------|--|----------------------|
| I | Bộ, ngành đã ký thỏa thuận về chia sẻ thông tin với Bộ Kế hoạch và Đầu tư | |
| 1 | Bộ Công thương | 28/12/2012 |
| 2 | Ủy Ban dân tộc | 18/02/2014 |
| 3 | Ban Kinh tế Trung ương | 03/6/2014 |
| II | Bộ, ngành đang xây dựng quy chế chia sẻ và cung cấp thông tin thống kê với Bộ Kế hoạch và Đầu tư | |
| 1 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 2 | Bộ Xây dựng | |
| 3 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | |
| 4 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | |
| 5 | Bộ Y tế | |
| 6 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | |
| 7 | Bộ Tài chính | |
| 8 | Bộ Thông tin và Truyền thông | |